

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại Báo cáo số 126/BC-STNMT ngày 26 tháng 02 năm 2024;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (đã chỉnh sửa, bổ sung) gửi kèm theo Văn bản số 36/CP-BQL ngày 20 tháng 03 năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei (kèm theo hồ sơ trình);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 78/TTr-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Văn bản số 149/BC-STNMT ngày 10 tháng 4 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei (địa chỉ tại Số 13, đường Lê Hồng Phong, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, với các nội dung như sau<sup>1</sup>:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

<sup>1</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2024.

1.2. Địa điểm thực hiện: Thuộc thôn Đông Sông, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

1.3. Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của Dự án: Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Glei về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Nhà làm việc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng trụ sở làm việc.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

+ Quy mô diện tích: 14.746,2 m<sup>2</sup>.

+ Phân loại dự án: Dự án nhóm B (*tổng mức đầu tư của dự án 53.100.000.000 đồng*).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình khi dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về: xây dựng, đầu tư, đầu tư công, đất đai và quy định pháp luật khác có liên quan. Không được vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 Luật Đầu tư công.

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp phép*).

**Điều 4.** Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án (*t/h*);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh (*để biết*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*t/h*);
- UBND huyện Đắk Glei (*t/h*);
- UBND thị trấn Đắk Glei (*t/h*);
- Công Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (*c/bố*);
- Trang Thông tin điện tử của Sở TN&MT (*c/bố*);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.<sub>HVT</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tháp**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ**  
**NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm  
 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các chậu xí, âu tiêu (*phân và nước tiểu...*) được đi chung một đường ống, được đấu nối từ bộ xả của bồn cầu và đi vào đường ống chính để xả vào bể tự hoại của khối nhà làm việc.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt xả ra từ chậu rửa tay, phễu thu sàn thoát chung vào một đường ống, đi vào đường ống thoát chính thu về hố ga, sau đó xả trực tiếp vào hệ thống thoát nước tổng thể của khối nhà làm việc.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 1: Giếng thấm trong phạm vi dự án.

- Nguồn số 2: Hệ thống thoát nước tổng thể của toàn khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Vị trí: Thôn Đông Sông, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ vị trí xả nước thải (*hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>30', múi chiếu 3<sup>o</sup>*):

- Vị trí số 01 (giếng thấm) : X = 1.668.248; Y = 525.980.

- Vị trí số 02 (hố ga) : X = 1.668.156; Y = 525.955.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: 8,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.4. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Ghi chú
1	pH	-	5 - 9	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
10	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải của mỗi khu nhà vệ sinh (WC) được thoát vào ống thoát trong hộp gen thoát nước, mỗi hộp gen gồm 3 đường ống riêng biệt như sau:

+ Đường ống thoát chất rắn và bẩn: Các chất thải như phân và nước tiểu được đi chung một đường ống, được đầu nối từ bộ xả của bồn cầu và đi vào đường ống chính để xả vào bể tự hoại. Lưu lượng xả tối đa là 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước sau khi được khử trùng đảm bảo quy định tại Cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

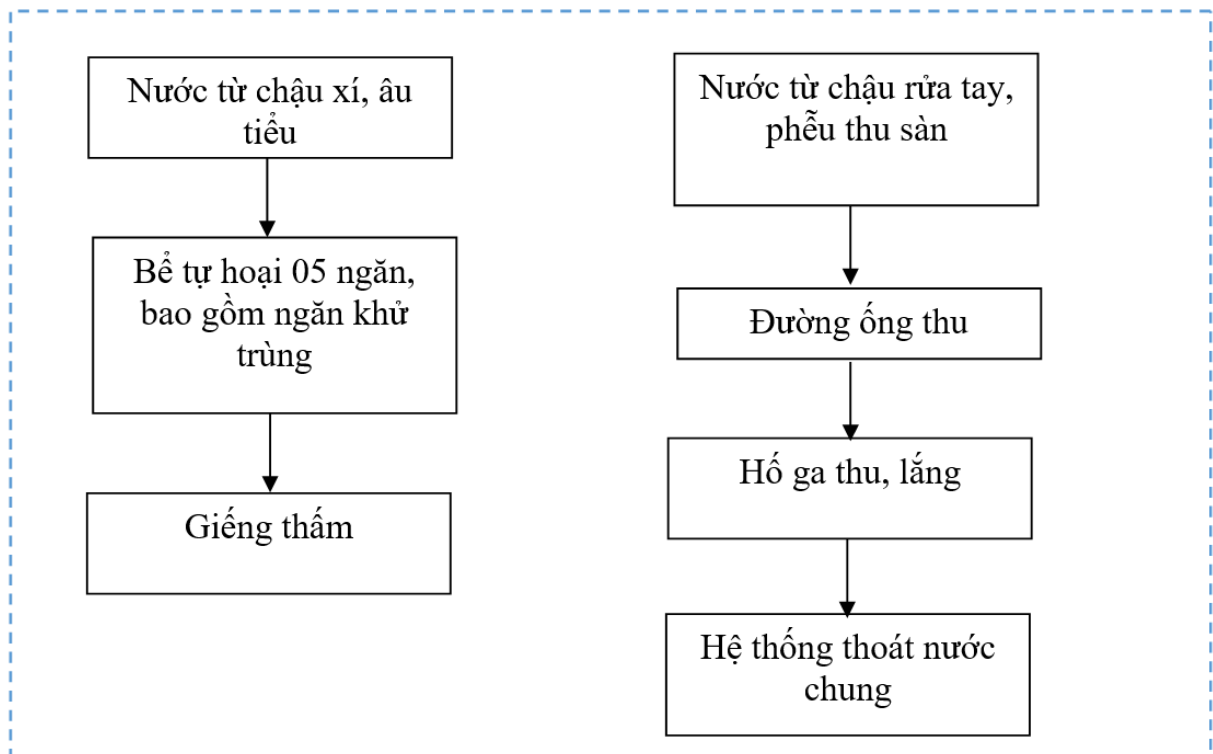
+ Đường ống thoát nước rửa tay, phễu thu sàn: Nước xả từ chậu rửa tay, thoát sàn thoát chung vào một đường ống, đi vào đường ống thoát chính để xả trực tiếp vào hệ thống thoát nước tổng thể. Lưu lượng xả tối đa là 8,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước sau thu gom đảm bảo quy định tại Cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Đường ống thông hơi: Được thiết kế để thoát mùi hôi của nước thải và chất bẩn trong hệ thống, đồng thời giúp cho việc thoát nước bẩn được lưu thông dễ dàng hơn, giảm nguy cơ tắc nghẽn trong hệ thống. Đường ống thông hơi được đầu nối vào cuối điểm xả và đi thẳng lên trên, nhô cao khỏi mái ít nhất 0,5 m. Bể tự hoại được thông hơi và đầu nối chung vào ống thông hơi này.

- Tại mỗi tầng đặt ống kiểm tra trên trục đứng thoát nước phòng trường hợp ống bị tắc nghẽn.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:



- Công trình xử lý nước thải được áp dụng đối với nguồn nước thải từ chậu xí, âu tiểu với lưu lượng xả tối đa 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Phương án xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn với thể tích toàn bể là 16,16 m<sup>3</sup>. Thể tích của bể tự hoại được chọn lớn để đảm bảo kéo dài thời gian lưu nước thải tại bể trên 05 ngày, đảm bảo quá trình xử lý kỵ khí trước khi nước thải được đưa ra giếng thấm.

Kết cấu và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

- Bể tự hoại có kết cấu 5 ngăn đúng theo quy định, bao gồm: 01 ngăn chứa, 02 ngăn lắng, 02 ngăn lọc và bể khử trùng. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại thoát vào giếng thấm.

- Bể tự hoại là công trình xử lý kỵ khí, trong bể tự hoại đồng thời xảy ra quá trình lắng cặn, giữ cặn và lên men cặn lắng. Quá trình xử lý nước thải sinh hoạt trong bể tự hoại chủ yếu diễn ra theo các bước sau: Thủy phân các chất hữu cơ phức tạp và chất béo thành các chất hữu cơ đơn giản làm nguồn dinh dưỡng

và năng lượng cho vi khuẩn. Các vi khuẩn kỵ khí sẽ thực hiện quá trình lên men các chất hữu cơ đơn giản trên và chuyển hóa chúng thành  $\text{CH}_4$  và  $\text{CO}_2$ .

- Trong thời gian lưu nước từ 3 - 5 ngày, các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Cặn lắng trong bể qua thời gian 6 - 12 tháng sẽ phân hủy kỵ khí. Nước thải tiếp tục qua ngăn lọc và ngăn khử trùng trước khi đi ra giếng thấm.

- Hiệu suất xử lý SS là 50%, COD là 30-45% (Theo tài liệu Trần Đức Hạ, 2002, *Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô vừa và nhỏ*, NXB KH&KT, Hà Nội).

- Bể tự hoại 05 ngăn được phân thành các ngăn như sau:

+ Ngăn chứa: Đây là ngăn có thể tích lớn nhất, gấp đôi các ngăn còn lại. Chất thải sẽ được đưa trực tiếp tại đây trong quá trình phân hủy. Các chất thải sau khi phân hủy thành bùn sẽ được chuyển tiếp sang ngăn lọc tiếp theo. Ngoài ra, một vài chất thải rắn khó phân hủy sẽ nằm lại tại ngăn này.

+ Ngăn lắng: gồm 02 ngăn và chiếm 25% thể tích bể chứa, ngăn lắng có chức năng giúp xử lý những vật thải rắn khó phân hủy ở ngăn chứa.

+ Ngăn lọc: Các phần bùn thải sau khi phân hủy sẽ được chuyển tiếp qua ngăn lọc. Các chất thải còn lơ lửng sẽ được lọc sạch bởi các vật liệu lọc.

+ Ngăn khử trùng: Nước thải được châm hoá chất khử trùng dạng viên nén để loại bỏ các vi sinh vật gây hại trước khi đi vào giếng thấm nước thải sau xử lý.

- Với cấu tạo 5 ngăn với chức năng riêng biệt, chất thải sẽ được xử lý triệt để và vệ sinh hơn. Nguồn thải được đưa ra ngoài đã được phân hủy, lọc bỏ hoàn toàn những chất thải khó phân hủy giúp hạn chế làm hư hỏng, tắc nghẹt đường ống.

- Bể tự hoại có hình chữ nhật và được đặt âm dưới mặt đất, có bố trí nắp thăm, ống thông hơi, xây dựng bằng bê tông cốt thép có lớp chống thấm tránh nước thải thấm vào môi trường đất ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

- Số lượng bể tự hoại: 01 bể.

- Thể tích: 16,16 m<sup>3</sup>.

#### *Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt*

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại 5 ngăn tại khối nhà	1	- Thể tích: 16,16 m <sup>3</sup> - Kết cấu: Bê tông cốt thép
2	Đường ống thoát nước thải D90	42 m	- Chất liệu: PVC - Đường kính: D90 mm
3	Đường ống thoát nước thải D114	32 m	- Chất liệu: PVC - Đường kính: D114 mm
4	Điểm xả nước thải	1 điểm xả	- Phương thức: Tự chảy

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động của dự án có thể phát sinh các sự cố do vận hành các bể tự hoại, hoặc sự cố tắc nghẽn, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải.

Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định do lượng vi sinh vật trong bể tự hoại không đủ hoặc do bùn trong bể quá tải. Giải pháp đặt ra là bổ sung chế phẩm vi sinh và định kỳ nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải.

Sự cố tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải do chất lượng đường ống lắp đặt không đảm bảo, do bùn, đất, dầu mỡ hoặc các chất rắn khác bịt kín các đường ống. Thực hiện định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây hiện tượng ngập úng khi có mưa lớn.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Thực hiện xây dựng đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí tiếp nhận, đảm bảo không xả nước thải vào hệ thống mương thủy lợi, ruộng đất canh tác của người dân xung quanh khu vực dự án.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đắk Glei chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra môi trường.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của Khối nhà (*Thôn Đông Sông, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum*).

- Toạ độ vị trí xả khí thải (*hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$* ): X = 1.668.244; Y = 525.929.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 740 m<sup>3</sup>/giờ.**

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** Xả gián đoạn (*khi sử dụng máy phát điện dự phòng*).

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B,  $K_p = 1$  và  $K_v = 0,8$ ), cụ thể như sau:**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Ghi chú
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	800	
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	680	
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

Xả ra môi trường qua ống thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Khí thải đi qua bộ lọc khí đi kèm với máy trước khi thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy phát điện dự phòng để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm  
2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của dự án chủ yếu gồm:

- Hoạt động của cán bộ nhân viên, người dân đến làm việc tại trụ sở;
- Hoạt động của các máy móc, thiết bị (như máy bơm, máy điều hoà không khí, máy phát điện dự phòng...);
- Từ các phương tiện giao thông (xe ô tô, xe gắn máy...).

2. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ, dBA	Từ 21 giờ đến 6 giờ, dBA
1	Khu vực thông thường	70	55

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Bố trí máy phát điện dự phòng tại khu vực riêng biệt đảm bảo giảm thiểu tối đa tiếng ồn, mặt khác thiết bị được trang bị có vỏ chống ồn.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện, máy móc của dự án như máy bơm,... nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí vành đai cây xanh như bồn hoa, cây cảnh, cây xanh, thảm cỏ được trồng mới kết hợp với giao thông, sân bãi nội bộ tạo khoảng cách ly với bên ngoài khu vực tạo không gian chuyển tiếp, ngăn cách bụi, tiếng ồn.

- Ban hành nội quy công sở để cán bộ công chức làm việc tại trụ sở và người dân đến làm việc đảm bảo trật tự, giảm tiếng ồn khi làm việc tại khối nhà hành chính.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm*  
*2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã số CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
02	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	Rắn/lỏng	5	20 01 19
03	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	20 01 33
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	25	20 01 35
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 100 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Lưu giữ trong 01 thùng chứa dung tích 120 lít (*trên thùng có ký hiệu biểu tượng về chất thải nguy hại*) để nhận biết theo đúng quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải: Bố trí tại tầng hầm của khối nhà.

Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau một thời gian khi đủ số lượng sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Tại mỗi tầng bố trí 02 thùng rác nhựa có thể tích 120 lít (*tổng cộng 08 thùng*). Bố trí 1 thùng rác tổng (*loại 660 lít*) để ở góc khuôn viên trụ sở để thu gom các rác thành phần tại các khu vực.

- Công tác thu gom: Mỗi ngày nhân viên vệ sinh sẽ tiến hành thu gom rác thải của từng tầng về chứa tại thùng rác tổng.

- Công tác xử lý: Chất thải sinh hoạt của toàn bộ dự án sau khi được thu gom về kho chứa rác tại mỗi tầng, định kỳ 1 lần/ngày, sẽ được nhân viên vệ sinh thu về thùng rác tổng dung tích 660 lít đặt tại khuôn viên để đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển đi xử lý.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy, phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định. Thực hiện xây dựng, trang bị máy móc thiết bị theo đúng phương án phòng cháy chữa cháy (PCCC) đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về phòng cháy (*Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy*).

- Tăng cường kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Ban hành quy định, nội quy an toàn PCCC phù hợp với tính chất hoạt động của trụ sở và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

- Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, nội quy an toàn cháy, nổ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy. Bố trí bình cứu hỏa cầm tay ở vị trí thích hợp để thuận tiện cho công tác chữa cháy và luôn kiểm tra để đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan khi có sự cố xảy ra.

### **Phụ lục 5**

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định và tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

4. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định.

\* Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh./.